

BÁO CÁO

**Giải trình bổ sung một số nội dung về biên chế hành chính, sự nghiệp
thành phố Hà Nội năm 2017**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ngày 23/11/2015, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND báo cáo HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2017 (kèm dự thảo Nghị quyết).

Theo Báo cáo Thăm tra số 49/BC-HĐND ngày 24/11/2016 của Ban Pháp chế HĐND Thành phố đối với Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2017 của thành phố Hà Nội, UBND Thành phố báo cáo giải trình bổ sung một số nội dung như sau:

1. Về việc giảm tỷ lệ 1,5% biên chế công chức so với năm 2016:

- Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 của Bộ Nội vụ giao biên chế công chức cho thành phố Hà Nội là 9.116 biên chế, giảm so với năm 2016 là 151 biên chế (1,5%); trên cơ sở kiện toàn sắp xếp, xác định lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, UBND Thành phố thực hiện giảm biên chế theo đúng tỷ lệ 1,5% và có tính đến một số cơ quan đặc thù, cụ thể: tăng 05 biên chế cho Ban Đô thị HĐND Thành phố theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương từ nguồn dự phòng, Ban Dân tộc Thành phố giữ nguyên số biên chế là 21.

- Thời gian tới, sau khi Đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính hoàn thành theo Quyết định số 2076/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ, UBND Thành phố sẽ xem xét phân bổ, điều hòa biên chế theo chức năng, nhiệm vụ và công việc được giao.

2. Về chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức bố trí cho 02 lực lượng thanh tra xây dựng và thanh tra giao thông:

Năm 2017, Thành phố tiếp tục giao 412 chỉ tiêu hợp đồng định mức, gồm 242 chỉ tiêu cho Thanh tra xây dựng và 170 chỉ tiêu cho Thanh tra giao thông là do:

- Theo Quyết định 89/2007/QĐ-TTg, ngày 18/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập thanh tra xây dựng quận, huyện và thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội; Nghị định 26/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng; Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 05/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường biên chế, trang thiết bị cho lực lượng Thanh tra giao thông vận tải": Số biên chế định mức cần cho Thanh tra xây dựng là 2.202 biên chế, Thanh tra giao thông là 809 biên chế.

- Số biên chế hiện giao cho Thanh tra xây dựng là 1.234 (bằng 56% định mức), Thanh tra giao thông là 321 (bằng 39,7% định mức). Trong 05 năm qua, Thành phố (có Nghị quyết của HĐND Thành phố) báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ đề nghị bổ sung biên chế để tuyển dụng vào công chức 412 hợp đồng chỉ tiêu trên, nhưng không được giao

thêm. Vì vậy, Thành phố phải giao chỉ tiêu hợp đồng định mức để có người thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Thời gian tới, Thành phố sẽ xem xét, có phương án giảm dần theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Về biên chế của Thành phố sau khi sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố và cấp huyện:

- UBND Thành phố đã hoàn thành sáp nhập Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật - Tổng hợp hướng nghiệp, Trung tâm Dạy nghề thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 28/9/2016, đồng thời giao biên chế theo tổng số biên chế hiện có, giảm 128 biên chế so với tổng biên chế năm 2016 đã giao cho 03 đơn vị.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập dự kiến sáp nhập, hợp nhất khác: Thành phố sẽ xem xét và có lộ trình tinh giản biên chế trong quá trình thực hiện.

4. Về lý do tăng biên chế lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

Năm 2017 tăng chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với cơ quan hành chính là 17, đơn vị sự nghiệp là 186 (có danh mục kèm theo). Tăng chủ yếu cho bảo vệ theo Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16/10/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; và một số vị trí tạp vụ, kỹ thuật điện nước. Đối với lái xe cơ bản không tăng theo chủ trương thí điểm việc khoán sử dụng xe công, năm 2017 chỉ tăng tăng 05 chỉ tiêu cho 05 xe chuyên dụng phục vụ công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được cấp mới thuộc Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế.

5. Về căn cứ, nguyên tắc phân bổ và số lượng biên chế lực lượng thanh tra xây dựng từ Sở Xây dựng về các quận, huyện, thị xã quản lý:

Sau khi ban hành Quyết định đổi tên Đội Thanh tra xây dựng thành Đội Quản lý trật tự đô thị và giao về UBND cấp huyện quản lý, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo thực hiện bàn giao số biên chế đã bàn giao từ Quận, huyện, thị xã sang Thanh tra Sở Xây dựng theo Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND Thành phố, số biên chế này trước đây đã được UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố thông qua hàng năm, trên cơ sở quy mô số lượng xã, phường, thị trấn và mức độ đô thị hóa; đồng thời có xem xét điều chỉnh hợp lý, phù hợp với thực trạng công tác quản lý trật tự xây dựng của các quận, huyện, thị xã.

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐNDTP;
- Chủ tịch UBNDTP;
- Các Phó Chủ tịch UBNDTP;
- Các đại biểu HĐNDTP;
- Ban Pháp chế HĐNDTP;
- Các Sở: Nội vụ, KH và ĐT, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

483.75(130)

DANH MỤC TĂNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 225 /BC-UBND, ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2016				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2016				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2017				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2016				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức		Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức		Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức		Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức	
A	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	790	683	105	2	728	649	77	2	797	673	122	2	7	- 10	17		
B	KHỐI SỞ, NGÀNH	637	542	95		583	514	69		641	534	107		4	- 8	12		
1	Văn phòng UBND Thành phố	192	141	51		181	133	48		193	139	54		1	- 2	3		
2	Sở Tài chính	257	238	19		233	227	6		254	234	20		- 3	- 4	1		
3	Sở Y tế	188	163	25		169	154	15		194	161	33		6	- 2	8		
C	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	153	141	10	2	145	135	8	2	156	139	15	2	3	- 2	5		
1	UBND Huyện Phú Xuyên	153	141	10	2	145	135	8	2	156	139	15	2	3	- 2	5		



DANH MỤC TĂNG, GIẢM HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: 225 /BC-UBND, ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2016				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2016				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2017				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2016				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	
	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	40 885	34 847	3 045	2 993	38 490	33 337	2 628	2 525	42 072	35 624	3 231	3 217	1 187	777	186	280	
A	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ, NGÀNH	7 487	6 933	554		6 934	6 501	433		7 674	7 003	671		187	70	117		
1	Sở Tài chính	4	3	1		3	3			6	3	3		2		2		
2	Sở Giáo dục và đào tạo	1 734	1 640	94		1 637	1 560	77		1 714	1 616	98		- 20	- 24	4		
3	Sở Y tế	5 345	4 914	431		4 956	4 620	336		5 512	5 016	496		167	102	65		
4	Sở Văn hóa và Thể thao	404	376	28		338	318	20		442	368	74		38	- 8	46		
B	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ	360	333	27		262	236	26		307	275	32		- 53	- 58	5		
1	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	170	154	16		119	104	15		146	129	17		- 24	- 25	1		
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	190	179	11		143	132	11		161	146	15		- 29	- 33	4		
C	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	33 038	27 581	2 464	2 993	31 294	26 600	2 169	2 525	34 091	28 346	2 528	3 217	1 053	765	64	280	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	54	42	12		36	31	5		36	31	5		- 18	- 11	- 7		
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	1 319	1 019	102	198	1 253	1 005	96	152	1 414	1 059	101	254	95	40	- 1	56	
3	UBND Quận Ba Đình	53	43	10		40	33	7		40	33	7		- 13	- 10	- 3		
4	UBND Quận Đống Đa	1 369	1 011	118	240	1 202	982	95	125	1 386	1 027	112	247	17	16	- 6	7	
5	UBND Quận Thanh Xuân	1 483	1 229	110	144	1 332	1 171	78	83	1 528	1 266	112	150	45	37	2	6	
6	UBND Quận Cầu Giấy	1 087	885	76	126	1 020	862	70	88	1 150	937	72	141	63	52	- 4	15	
7	UBND Quận Hoàng Mai	36	30	6		26	26			26	26			- 10	- 4	- 6		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2016				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2016				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2017				TĂNG, GIẢM SỐ VỚI NĂM 2016				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	
8	UBND Quận Long Biên	1 740	1 298	100	342	1 454	1 082	103	269	1 818	1 356	109	353	78	58	9	11	
9	UBND Quận Nam Từ Liêm	975	901	74		921	848	73		1 091	992	99		116	91	25		
10	UBND Quận Bắc Từ Liêm	698	642	56		673	618	55		738	683	55		40	41	- 1		
11	UBND Huyện Thanh Trì	970	883	87		922	844	78		968	887	81		- 2	4	- 6		
12	UBND Huyện Gia Lâm	52	42	10		34	29	5		34	29	5		- 18	- 13	- 5	7	
13	UBND Huyện Đông Anh	85	74	11		76	67	9		77	67	10		- 8	- 7	- 1		
14	UBND Huyện Sóc Sơn	1 272	1 170	102		1 223	1 120	103		1 289	1 186	103		17	16	1		
15	UBND Huyện Ba Vì	3 702	2 997	300	405	3 562	2 928	296	338	3 728	2 999	312	417	26	2	12	12	
16	UBND Thị xã Sơn Tây	627	576	51		600	555	45		615	567	48		- 12	- 9	- 3		
17	UBND Huyện Thạch Thất	2 615	2 170	174	271	2 410	2 124	63	223	2 647	2 189	178	280	32	19	4	9	
18	UBND Huyện Phúc Thọ	39	31	8		32	28	4		32	28	4		- 7	- 3	- 4	41	
19	UBND Huyện Đan Phượng	26	22	4		23	20	3		23	20	3		- 3	- 2	- 1		
20	UBND Huyện Hoài Đức	40	34	6		32	30	2		32	30	2		- 8	- 4	- 4		
21	UBND Huyện Quốc Oai	1 926	1 772	154		1 883	1 731	152		1 975	1 789	186		49	17	32		
22	UBND Huyện Chương Mỹ	1 943	1 480	102	361	1 803	1 431	59	313	1 917	1 437	100	380	- 26	- 43	- 2	19	
23	UBND Quận Hà Đông	3 735	3 170	228	337	3 646	3 083	229	334	4 121	3 489	243	389	386	319	15	52	
24	UBND Huyện Thanh Oai	34	27	7		29	23	6		29	23	6		- 5	- 4	- 1	8	
25	UBND Huyện Thường Tín	39	31	8		35	30	5		35	30	5		- 4	- 1	- 3		
26	UBND Huyện Mỹ Đức	3 441	2 861	304	276	3 469	2 843	298	328	3 546	2 920	330	296	105	59	26	20	
27	UBND Huyện Mê Linh	3 678	3 141	244	293	3 558	3 056	230	272	3 796	3 246	240	310	118	105	- 4	17	